

*Nhơn Trạch, ngày 30 tháng 03 năm 2020*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH**  
**Năm 2019**

**I. THÔNG TIN CHUNG.**

*1. Thông tin khái quát về Công ty*

+ Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH**

+ Tên tiếng anh: **CHANG YIH CERAMIC JOINT STOCK COMPANY**

+ Trụ sở chính: *Đường 25B, KCN Nhơn Trạch I, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.*

+ Điện thoại: 0251-560770~7 Fax: 0251-560778~9

*Việc thành lập : Công ty Cổ Phần Gạch Men Chang Yih được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ công ty TNHH Gạch Men Chang Yih. Công ty TNHH Gạch Men Chang Yih là công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài, hoạt động theo giấy phép đầu tư số 52/GP-KCN-ĐN do Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp ngày 01/09/2000, và sau đó cổ phần hóa theo quyết định số 580/TTg – ĐMDN ngày 11 tháng 05 năm 2005 của Thủ tướng Chính Phủ, Giấy phép đầu tư số 52CPH/GP-KCN-ĐN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 06/02/2006, giấy Chứng nhận đầu tư số 472033000269 ngày 19/10/2007, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2010.*

*Vốn điều lệ: 90.478.550.000 đồng*

*Niêm yết: Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn UPCOM và niêm yết tại Sở GDCK Hà Nội kể từ ngày 15/05/2018 theo Quyết định số 343/QĐ-SGDHN ngày 15/05/2018. Mã chứng khoán là CYC.*

*2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

+ *Ngành nghề kinh doanh theo giấy phép gồm: Sản xuất các loại gạch men và gạch trang trí mỹ thuật cao cấp, và xây dựng công trình dân dụng.*

+ *Tình hình hoạt động: Công ty đang hoạt động sản xuất gạch men - ngành nghề theo giấy phép kinh doanh được cấp, chưa triển khai ngành xây dựng.*

+ *Địa bàn kinh doanh: Xuất khẩu và trong nước.*

*3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- *Mô hình quản trị:*

+ *Đại hội đồng cổ đông;*

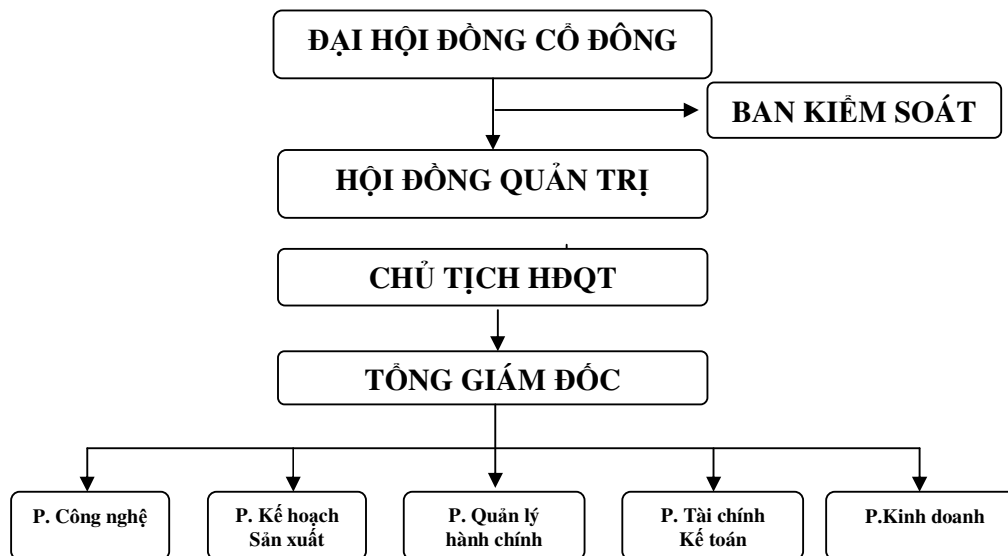
+ *Hội đồng quản trị*

+ *Ban kiểm soát*

+ *Ban điều hành*

- *Cơ cấu bộ máy quản lý*

*Sơ đồ tổ chức bộ máy của Công ty*



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

#### 4. Định hướng phát triển

- Mục tiêu của công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông và cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty, làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.
- Xây dựng thương hiệu vững mạnh và đưa ảnh hưởng của công ty trong ngành gạch men và gạch trang trí mỹ thuật lên một tầm cao mới, phấn đấu nâng cao tỷ lệ chiếm giữ thị phần.

#### 5. Các rủi ro

- Rủi ro tỷ giá:

Trong những năm gần đây, tỷ giá Đồng Việt Nam và ngoại tệ (đặc biệt là Đô la Mỹ) biến động không nhiều, nằm trong tầm kiểm soát của Nhà Nước, vì vậy không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty luôn coi trọng công tác quản lý rủi ro tỷ giá và có những biện pháp phòng ngừa rủi ro thích hợp, đề phòng các ảnh hưởng xấu khi có biến động lớn về tỷ giá xảy ra trong tương lai. Hơn nữa, Công ty có nguồn thu ngoại tệ từ việc khẩu hàng hóa, do đó các biến động của tỷ giá sẽ được bù trừ lẫn nhau làm giảm ảnh hưởng của tỷ giá lên dòng tiền và lợi nhuận của Công ty.

- Rủi ro lãi suất: Hoạt động kinh doanh của Công ty có nhu cầu về vốn lớn để hoạt động, phần lớn nguồn vốn này được huy động từ đi vay của các tổ chức tín dụng, nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay gây ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Công ty. Hiện nay trên thị trường Việt Nam chưa phổ biến các công cụ phòng ngừa rủi ro lãi suất vì vậy Công ty cũng đã áp dụng những biện pháp cần thiết để hạn chế ảnh hưởng của lãi suất. Tuy nhiên trong một số trường hợp vẫn bị ảnh hưởng mỗi khi lãi suất thị trường tăng lên.
- Rủi ro pháp lý: Là doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đăng ký công ty đại chúng, hoạt động của Công ty được chi phối bởi nhiều văn bản luật khác nhau. Các văn bản luật và các hướng dẫn thực hiện đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về pháp luật và các chính sách có thể sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

## II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

| Chỉ tiêu           | ĐVT  | Năm 2018    | Năm 2019    | % tăng giảm |
|--------------------|------|-------------|-------------|-------------|
| Doanh thu thuần    | Tr.đ | 259.132,93  | 255.974,62  | -1,22%      |
| Lợi nhuận sau thuế | Tr.đ | (51.545,79) | (13.306,03) | 74,19%      |
| Cố tức             | Tr.đ | 0           | 0           |             |

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

| Chỉ tiêu           | ĐVT  | Kế hoạch năm 2019 | Thực hiện Năm 2019 | % TH/KH |
|--------------------|------|-------------------|--------------------|---------|
| Doanh thu thuần    | Tr.đ | 240.000           | 255.974,62         | 6,24%   |
| Lợi nhuận sau thuế | Tr.đ | 2.000             | (13.306,03)        |         |
| Cố tức             | Tr.đ | 0                 | 0                  |         |

### 2. Tổ chức và nhân sự.

- Danh sách ban điều hành:

Danh sách ban Giám đốc, kế toán trưởng.

| STT | Họ và tên            | Chức vụ        | Tỷ lệ sở hữu CP | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------------|-----------------|---------|
| 01  | Trần Văn Sinh        | Tổng Giám đốc  | 0               |         |
| 02  | Nguyễn Thị Hồng Phúc | Kế toán trưởng | 0               |         |
|     |                      |                |                 |         |

- Những thay đổi trong ban điều hành.

- Số lượng cán bộ, công nhân viên

Tại thời điểm 31/12/2019

Tổng số lao động trong Công ty: 211 người, trong đó Công nhân trực tiếp 147 người.

Trình độ chuyên môn

Đại học: 12 người

Cao đẳng, trung cấp: 25 người

Công nhân kỹ thuật: 22 người

Lao động phổ thông: 152 người

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có  
b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

### 4. Tình hình tài chính:

- a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu                          | Năm 2018         | Năm 2019         | % tăng giảm |
|-----------------------------------|------------------|------------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 242.017.171.904  | 238.553.466.745  | -1,43%      |
| Doanh thu thuần                   | 259.132.926.532  | 255.974.615.996  | -1,22%      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (45.181.154.036) | (11.178.418.233) | 75,26%      |
| Lợi nhuận khác                    | (6.364.637.478)  | (2.127.615.551)  |             |
| Lợi nhuận trước thuế              | (51.545.791.514) | (13.306.033.784) |             |
| Lợi nhuận sau thuế                | (51.545.791.514) | (13.306.033.784) |             |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | 0                | 0                |             |

Các chỉ tiêu khác: Không có

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu  | Năm 2018 | Năm 2019 | % tăng giảm |
|---|----------|----------|-------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán                |          |          |             |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn                         | 0,76     | 0,72     |             |
| Hệ số thanh toán nhanh                            | 0,16     | 0,22     |             |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn                         |          |          |             |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản                             | 103,66%  | 109,80%  |             |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                           |          |          |             |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động                 |          |          |             |
| Vòng quay hàng tồn kho                            | 1,42     | 2,19     |             |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản                      | 1,07     | 1,07     |             |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời                  |          |          |             |
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                | -19,89%  | -5,20%   |             |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                 | -56,97%  | -14,71%  |             |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                   | -21,30%  | -5,58%   |             |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | -17,43%  | -4,37%   |             |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Tổng vốn điều lệ đăng ký của Công ty đến 31/12/2019 : 90.478.550.000 đồng Việt Nam

- Tổng số cổ phần hiện tại: 9.047.855 cổ phần (mệnh giá : 10.000đ/cổ phần).

Trong đó: Chyih Investment Co.,Ltd (Đài Loan) nắm giữ: 7.057.325 cổ phần, tương đương 78% vốn điều lệ, còn lại 22% tương đương 1.990.530 cổ phần được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Trong đó cổ phiếu ngân quỹ của Công ty là: 1.430 cổ phần.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a) Quản lý nguồn nguyên liệu

Nguyên vật liệu chủ yếu của công ty đất sét, đất cao lanh, bột đá. Trong năm công ty đã sử dụng 63.813 tấn nguyên vật liệu

b) Tiêu thụ năng lượng:

Điện năng: 11,07 tr Kwh

Than bùn: 6.807 tấn

Khí: 158.165 m<sup>3</sup>

c) Tiêu thụ nước:

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sửa dụng nguồn nước thủy cục của Công ty TNHH MTV IDICO tổng mức tiêu thụ trong năm 2019 là 92.382 m<sup>3</sup>

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

e) Chính sách liên quan đến người lao động

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2019: 9,7 tr.đ/người/tháng.

- Công ty tham gia bảo hiểm (bao gồm BHXH, BHYT & BHTN) cho toàn bộ lao động có hợp đồng lao động. Tổng số tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN năm 2019 hơn 4,3 tỷ đồng.

- Ngoài ra Công ty có KTX dành cho những anh chị em cán bộ công nhân viên ở xa.

f) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

g) Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Hoạt động chính của công ty trong năm là sản xuất và kinh doanh các loại men và gạch mỹ thuật trang trí chất lượng cao.

Năm 2019, nhiều dự án xây dựng được khởi công đây là cơ hội cho Công ty tham gia thị trường vật liệu xây dựng. Cơ cấu đa dạng sản phẩm sản xuất gạch ốp lát đã mang lại lợi thế cho Công ty, đồng thời tạo uy tín lớn trên thị trường với thương hiệu Kis.

Đội ngũ Phòng Kinh doanh đã có bước trưởng thành hơn, trong đó việc phân tổ theo nhóm sản phẩm chuyên ngành đã phát huy hiệu quả làm việc.

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Đây là việc làm hàng ngày, nhìn chung Phòng Kỹ thuật có nhiều tiến bộ hơn trước nhưng để làm tốt hơn nữa cần có sự đột phá về cách làm và có đội ngũ kỹ sư chuyên nghiệp, am hiểu về công việc nhà máy

Công tác quản lý vật tư đầu vào: Trong năm qua đã hoàn thành nhiệm vụ, chủ động công việc và tạo uy tín với khách hàng hạn chế việc chậm tiến độ sản xuất vì chậm vật tư. Tuy nhiên cần thay đổi cách làm, phân công thêm nhiệm vụ để quản lý vật tư, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ tốt hơn, tránh lãng phí, hư hại thực hành tiết kiệm và quản lý chặt chẽ.

Công tác quản lý máy móc thiết bị: Nhà máy hoạt động năm thứ 15 nên gần như máy móc thiết bị xuống cấp, hư hỏng thường xuyên. Hiện nay khâu này chưa làm tốt, không hiệu quả. Công ty luôn quan tâm xây dựng lực lượng đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân tay nghề cao này nhưng còn phải chấn chỉnh, đào tạo lại.

Công tác tổ chức lao động: Bộ máy quản lý phòng ban nghiệp vụ được sắp xếp lại phù hợp với mô hình hoạt động, ngày càng ổn định và hiệu quả hơn. Cán bộ văn phòng đã trưởng thành, làm chủ công nghệ và luôn sáng tạo trong công việc, công nhân lao động trực tiếp ổn định và tay nghề ngày càng nâng cao.

#### 2. Tình hình tài chính:

Công ty đã cố gắng không ngừng để thực hiện kế hoạch tăng trưởng lợi nhuận, Công ty tiếp tục thực hiện việc cơ cấu lại tổ chức cũng như tiết kiệm những chi phí không hợp lý.

#### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

#### 4. Kế hoạch phát triển tương lai

Nhằm tăng năng lực sản xuất, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư công nghệ mới hiện đại, giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh cụ thể:

- Đẩy mạnh sản xuất hàng cao cấp
- Nâng cao tỷ lệ hàng loại I
- Nâng cao năng lực sản xuất và công suất hoạt động.
- Đầu tư máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, nhân lực...cho ra những sản phẩm có chất lượng cao, mẫu mã kiểu dáng đẹp phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước lẫn xuất khẩu.

Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008, chứng nhận hệ thống quản lý và kiểm tra chất lượng này đã được tổ chức NQA cấp vào ngày 28 tháng 11 năm 2013 phù hợp với đặc thù của Công ty. Công ty luôn hướng nguồn nhân lực tập trung cho việc thỏa mãn các yêu cầu hợp lý của khách hàng. Thực hiện đúng cam kết về chính sách chất lượng, thường xuyên hoàn thiện và đổi mới về chất lượng sản phẩm, các dịch vụ hậu bán hàng, tăng cường các biện pháp marketing phù hợp với thị hiếu tiêu dùng,... vì mục đích cuối cùng là phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

- HĐQT triển khai quy trình mua hàng hoá minh bạch và hiệu quả, dự đoán nhu cầu, thu mua dự trữ nguyên liệu phục vụ sản xuất.

- Tập trung cải tổ mạnh mẽ và đầu tư cho công tác điều tra thị trường và tổ chức hệ thống phân phối; thực hiện tuân thủ các Quy chế về hoạt động của các đơn vị.

- Có kế hoạch bố trí nhân sự theo công việc hợp lý, hiệu quả, có tính kế thừa, thu hút đào tạo và phát triển cán bộ trẻ và cán bộ chuyên môn, cơ cấu lại Ban lãnh đạo trên tinh thần gọn nhẹ, hiệu quả.

- Đầu tư MMTB, nguyên vật liệu, nhân lực ...cho ra những sản phẩm có chất lượng cao, mẫu mã kiểu dáng phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa cũng như thị trường xuất khẩu.

- Chú trọng công tác tài chính doanh nghiệp, dành nguồn nhân lực thích đáng cho nghiên cứu cải tiến công nghệ, chất lượng sản phẩm.

- Cải thiện điều kiện làm việc và đời sống tinh thần của CBCNV.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

| TT | Các chỉ tiêu                  | ĐVT            | Thực hiện năm 2019 | Kế hoạch năm 2020 |
|----|-------------------------------|----------------|--------------------|-------------------|
| 1  | Tổng sản lượng sản xuất       | m <sup>2</sup> | 2.069.997          | 2.400.000         |
| 2  | Tổng doanh thu                | Tr.đ           | 255.974,62         | 250.000,00        |
| 3  | Lợi nhuận trước thuế          | Tr.đ           | (13.306,03)        | 3.000             |
| 4  | Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ | %              | 0                  | 0                 |
| 5  | Thuế và các khoản phải nộp    | Tr.đ           | 6.100              | 4.000             |
| 6  | Lao động bình quân            | Người          | 215                | 240               |
| 7  | Thu nhập bình quân CB-CNV     | đ/ng/th        | 9.700.000          | 9.500.000         |

5. Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2019 HĐQT Công ty đã cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã đề ra. Trong năm 2019 dù đứng trước sự khó khăn của tình hình kinh tế nhưng với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ cán bộ nhân viên, chiến lược kinh doanh vững vàng của cấp lãnh đạo cùng với sự ủng hộ của toàn thể cổ đông nên Công ty cũng duy trì hoạt động trong năm 2019.

HĐQT thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Giám đốc và bộ máy quản lý công ty.

Thường xuyên và đột kiểm tra hoạt động, kiểm tra công tác tài chính kế toán, kiểm tra tính tuân thủ của ban giám đốc và Ban kiểm soát

Kiểm tra tính Tuân thủ Pháp luật hoạt động điều hành của Ban Giám đốc công ty

#### V. VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

##### 1. Hội đồng quản trị (HĐQT)

- Ông Chen Hui Zun: Chủ tịch HĐQT
- Ông Lee Mo Ting: Thành viên HĐQT
- Ông Tsai Ching Feng: Thành viên HĐQT

- Bà Đàm Thị Vân Anh: Thành viên HĐQT
  - Ông Trần Văn Sinh: Thành viên HĐQT (kiêm Tổng Giám Đốc)
2. Ban kiểm soát
- Ông Tseng Sen Hsien : Trưởng Ban Kiểm soát
  - Bà Nguyễn Thị Linh : Thành viên Ban Kiểm soát.
  - Bà Trần Thanh Thiệt : Thành viên Ban Kiểm soát.
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát
- Thành viên HĐQT: Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong Hội đồng hoặc nếu không thỏa thuận thì được chia đều. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT được ghi trong báo cáo thường niên của Công ty. Các thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình.
  - Thành viên Ban kiểm soát: Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
  - Trong năm không có các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2019 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán DFK Việt Nam

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| Chi tiêu                                  | Năm 2019               | Năm 2018               |
|---|------------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>163.924.313.641</b> | <b>158.221.454.346</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>18.285.464.144</b>  | <b>6.319.238.717</b>   |
| Tiền                                      | 15.673.464.144         | 3.707.238.717          |
| Các khoản tương đương tiền                | 2.612.000.000          | 2.612.000.000          |
| <b>Các khoản phải thu</b>                 | <b>21.572.859.103</b>  | <b>23.364.606.843</b>  |
| Phải thu của khách hàng                   | 39.352.090.630         | 41.564.153.259         |
| Trả trước cho người bán                   | 1.602.829.261          | 1.878.184.303          |
| Các khoản phải thu khác                   | 4.093.494.933          | 3.397.825.002          |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi       | (23.475.555.721)       | (23.475.555.721)       |
| Tài sản thiếu chờ xử lý                   |                        |                        |
| <b>Hàng tồn kho</b>                       | <b>113.690.313.978</b> | <b>121.057.359.582</b> |
| Hàng tồn kho                              | 117.586.335.506        | 124.953.381.110        |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | (3.896.021.528)        | (3.896.021.528)        |

|   |                         |                        |
|---|-------------------------|------------------------|
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                      | <b>10.375.676.416</b>   | <b>7.480.249.204</b>   |
| <i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>                 | 10.366.685.473          | 7.480.230.461          |
| <i>Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ</i>        |                         |                        |
| <i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i>   | 8.990.943               | 18.743                 |
| <i>Tài sản ngắn hạn khác</i>                      |                         |                        |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                            | <b>74.629.153.104</b>   | <b>83.795.717.558</b>  |
| <b>Tài sản cố định</b>                            | <b>65.976.749.012</b>   | <b>74.051.223.418</b>  |
| <i>Tài sản cố định hữu hình</i>                   | 65.976.749.012          | 74.051.223.418         |
| <i>Nguyên giá</i>                                 | 335.107.410.768         | 334.002.252.602        |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                     | (269.130.661.756)       | (259.951.029.184)      |
| <i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>            |                         |                        |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                       | <b>8.652.404.092</b>    | <b>9.744.494.140</b>   |
| <i>Chi phí trả trước dài hạn</i>                  | 8.652.404.092           | 9.744.494.140          |
| <i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>             |                         |                        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                          | <b>238.553.466.745</b>  | <b>242.017.171.904</b> |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                                | <b>261.936.180.036</b>  | <b>250.873.337.480</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                                | <b>228.949.380.036</b>  | <b>206.758.967.480</b> |
| <i>Phải trả người bán</i>                         | 55.696.723.452          | 47.109.327.373         |
| <i>Người mua trả tiền trước</i>                   | 46.536.348.870          | 48.745.897.627         |
| <i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>        | 1.466.180.246           | 1.790.319.236          |
| <i>Phải trả người lao động</i>                    | 2.089.140.805           | 2.237.470.927          |
| <i>Chi phí phải trả</i>                           | 27.196.554.596          | 22.034.074.976         |
| <i>Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</i> | 751.628.777             | 606.344.051            |
| <i>Vay và nợ ngắn hạn</i>                         | 95.212.803.290          | 84.235.533.290         |
| <b>Nợ dài hạn</b>                                 | <b>32.986.800.000</b>   | <b>44.114.370.000</b>  |
| <i>Phải trả dài hạn khác</i>                      |                         |                        |
| <i>Vay và nợ dài hạn</i>                          | 32.986.800.000          | 44.114.370.000         |
| <i>Dự phòng trợ cấp mất việc làm</i>              |                         |                        |
| <b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       | <b>(23.382.713.291)</b> | <b>(8.856.165.576)</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                             | <b>(23.382.713.291)</b> | <b>(8.856.165.576)</b> |
| <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>                  | 90.478.550.000          | 90.478.550.000         |
| <i>Thặng dư vốn cổ phần</i>                       | 829.809.325             | 829.809.325            |
| <i>Cổ phiếu quỹ</i>                               | (18.309.325)            | (18.309.325)           |
| <i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>                 |                         |                        |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>          | (114.672.763.291)       | (100.146.215.576)      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                        | <b>238.553.466.745</b>  | <b>242.017.171.904</b> |

| <b>Phần II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>           |                        |                         |
|--|------------------------|-------------------------|
| <b>Chỉ tiêu</b>  | <b>Năm 2019</b>        | <b>Năm 2018</b>         |
| <i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>          | <b>256.333.306.905</b> | <b>260.193.660.805</b>  |
| <i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>                    | 358.690.909            | 1.060.734.273           |
| <i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> | <b>255.974.615.996</b> | <b>259.132.926.532</b>  |
| <i>Giá vốn hàng bán</i>                                | 232.030.259.737        | 270.000.871.155         |
| <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>23.944.356.259</b>  | <b>(10.867.944.623)</b> |
| <i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>                   | 354.074.128            | 234.948.722             |
| <i>Chi phí tài chính</i>                               | 8.774.186.243          | 10.070.035.014          |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>                       | 8.743.454.424          | 8.637.944.623           |



|  |                         |                         |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Chi phí bán hàng                               | 14.708.037.067          | 12.563.258.580          |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                   | 11.994.625.310          | 11.914.864.541          |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> | <b>(11.178.418.233)</b> | <b>(45.181.154.036)</b> |
| Thu nhập khác                                  | 74.734.624              | 140.095.163             |
| Chi phí khác                                   | (2.202.350.175)         | 6.504.732.641           |
| <b>Lợi nhuận khác</b>                          | <b>(2.127.615.551)</b>  | <b>(6.364.637.478)</b>  |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>       | <b>(13.306.033.784)</b> | <b>(51.545.791.514)</b> |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   |                         |                         |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    |                         |                         |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | <b>(13.306.033.784)</b> | <b>(51.545.791.514)</b> |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       |                         |                         |


**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TRẦN VĂN SINH**